TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THỊ XÃ B	Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
TỈNH T	
Số:20/2022/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 22 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84/ Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:21/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: 1/ Anh Trần Hữu T - sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm Trường Sơn, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

2/ Chị Lê Thị Mỹ L - sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm Trường Sơn, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Hữu T và chị Lê Thị Mỹ L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau, không cùng tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau không ai nhường nhịn ai, cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T, chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên muốn giải thoát cho nhau. Vì vậy, hai bên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Trần Hữu T và chị Lê Thị Mỹ L.

[2] Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Trần Minh Q(nam) sinh ngày 05/9/2014. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn: Lệ phí ly hôn sơ thẩm anh Trần Hữu T nộp 150.000đ, chị Lê Thị Mỹ L nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận anh Trần Hữu Toàn nộp thay phần lệ phí ly hôn cho chị Lê Thị Mỹ L.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành , không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hữu T và chị Lê Thị Mỹ L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Trần Minh Q(nam) sinh ngày 05/9/2014. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Hữu T và chị Lê Thị Mỹ L mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận anh T nộp thay lệ phí ly hôn cho chị L nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo biên lai thu số: AA/2021/0005079 ngày 01/3/2022. Như vậy, anh T, chị L đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- VKSND thị xã B
- Đương sự
- UBND phường Đ(ĐK 19/5/2014)
- Chi cục Thi hành án B
- Tòa án tỉnh T
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ